

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú xã Tân Hiệp huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276-3875 193

Fax: 0276-3875 307

Website: www.tabiruco.vn

Tây Ninh, 2025

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Ngày tháng năm 2025
CÔNG TY CP CAO SU TÂN BIÊN



Lâm Thanh Phú

Tây Ninh, 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC

PHẦN I. TÓM TẮT.....	1
1. Tình hình quản lý rừng của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên.....	1
2.1. Thông tin chung.....	1
2.2. Thông tin về khu vực đánh giá	4
3. Chiến lược kinh doanh rừng	4
4. Các tác động chính đến xã hội	6
PHẦN II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.....	6
1. Đặt vấn đề	6
2. Mục đích của đánh giá	6
3. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá tác động xã hội.....	7
4. Nội dung và phương pháp đánh giá	7
4.1. Nội dung đánh giá	7
4.2. Phương pháp đánh giá.....	8
5. Phạm vi đánh giá.....	9
PHẦN III. ĐÁNH GIÁ BAN ĐẦU.....	10
1. Xác định các bên liên quan và vai trò của các bên	10
2. Sàng lọc các tác động xã hội.....	11
PHẦN IV. KẾT QUẢ	12
1. Đánh giá các tác động đến xã hội từ hoạt động lâm nghiệp và các giải pháp cần thực hiện.....	12
1. 1. Trồng rừng và chăm sóc rừng	12
1.2. Quản lý bảo vệ và phòng chống cháy cháy nổ	13
1. 3. Hoạt động khai thác	13
1. 4. Xây dựng cơ sở hạ tầng	14
2. Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.	16
2. 1. Các mặt tích cực của các hoạt động xã hội.....	16
2.2. Các mặt còn chưa thực hiện được của các hoạt động xã hội	16
3. Các giải pháp cần khắc phục.....	17
PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	18
5.1. Kết luận	18
5.2. Kiến nghị.....	18
Phụ lục 1	
Phụ lục 2	

PHẦN I. TÓM TẮT

1. Tình hình quản lý rừng của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên

Công ty cổ phần cao su Tân Biên (sau đây gọi tắt là Công ty) là đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tập đoàn), được thành lập theo Quyết định số 68/TCCB-QĐ ngày 20/12/1985 của Tổng cục Cao su Việt Nam về việc trồng và khai thác cao su trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Quyết định số 170/QĐ-UB ngày 28/12/1988 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao 10.000 ha đất tự nhiên trồng cao su cho Công ty cao su Tân Biên thuộc Tổng cục cao su. Từ ngày 29/4/2016, Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN, ngày 15 tháng 01 năm 2016, của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Hiện nay, Công ty đang quản lý 5.620,73 ha (năm 2024) vườn cây cao su, trong đó có 2.369,62 ha cao su khai thác với sản lượng cao su 3.131,57 tấn, đạt năng suất bình quân 1,32 tấn/ha.

Ngoài mù cao su tự nhiên, gỗ cao su trong những năm gần đây cũng có giá trị cao được sử dụng làm đồ gỗ nội thất, các mặt hàng khác phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Năm 2024, Công ty khai thác gỗ 619,05 ha (diện tích sổ sách), đạt sản lượng khoảng 120.407 m³.

Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty cổ phần cao su Tân Biên đang hướng đến quá trình thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững nhằm tiến tới đạt được chứng chỉ rừng VFCS theo hệ thống chứng chỉ rừng PEFC đối với toàn bộ vùng nguyên liệu quản lý của Công ty.

2. Thông tin về Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên

2.1. Thông tin chung

Công ty CP Cao su Tân Biên là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, được thành lập ngày 20/12/1985.

- Tên gọi chính thức hiện nay: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

- Trụ sở chính: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

- Điện thoại: 84276.3875193 Fax: 84276.3875307

- Email: tbrc@tabiruco.com.vn

- Mã số thuế: 3900242832

- Mã số doanh nghiệp: 3900242832

Vốn điều lệ của công ty là: 879.450.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi chín tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Thực trạng cơ sở hạ tầng của Công ty:

a. Hệ thống giao thông

Về phía Công ty hiện đang quản lý 28,15 km đường nhựa và 43,3 km đường cấp phối sỏi đỏ, và hệ thống đường lô liên lô bằng đất. Ngoài các tuyến đường liên xã, liên Huyện, liên Tỉnh mà trước đây Công ty đầu tư đã bàn giao lại cho địa phương quản lý thì hệ thống đường giao thông, đường nội bộ, đường lô mà công ty hiện đang quản lý hàng năm đều có chi phí để thực hiện duy tu bảo dưỡng để phục vụ tốt cho công tác vận chuyển cao su từ vườn cây về các nhà máy chế biến cũng như giao thông của người dân trong khu vực.

b. Hệ thống điện

Tại công ty, điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất được sử dụng 92,46% từ nguồn điện lưới quốc gia và 7,54% từ nguồn điện mặt trời. Ngoài ra, công ty còn trang bị máy phát điện dự phòng cấp điện khi điện lưới không cấp điện. 01 hệ thống điện (Trụ 46 nhánh rẽ cao su Tân Biên xuất tuyến 473 TH).

c. Hệ thống cấp nước

Tại thị trấn các huyện và vùng lân cận đã đầu tư xây dựng và mở rộng các công trình cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất, 100% số hộ gia đình trong các Huyện thuộc vùng dự án đều được dùng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung hoặc từ nguồn nước ngầm của giếng khoan.

Riêng tại công ty Hệ thống nước sinh hoạt và sản xuất hiện nay của Công ty đều sử dụng nước từ giếng khoan.

d. Hệ thống xử lý nước thải

Đối với Công ty, công tác bảo vệ môi trường luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường trong Công ty được thành lập từ cấp quản lý đến các đơn vị trực thuộc Công ty.

Công ty có một Xí nghiệp cơ khí chế biến sản xuất cao su thiên nhiên, công ty đã xây dựng một hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp cơ khí chế biến, hệ thống xử lý nước thải đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xác nhận hoàn thành việc nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải lên cột A QCVN 01:2008/BTNMT theo công văn số 4537/STNMT-CCBVMT ngày 17/12/2014. Hệ thống xử lý luôn được vận hành theo đúng quy trình công nghệ, hoạt động ổn định, luôn được kiểm tra giám sát các thông số vận hành, được lấy mẫu nước thải đầu ra kiểm tra định kỳ để đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn quy định.

Từ giữa năm 2021 công ty đã tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và hiện tại đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm. Công ty đã lắp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền tín hiệu về Sở TN&MT Tây Ninh. Công ty đã được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép môi trường số 2602/GPMT-UBND ngày 14/12/2023 với lưu lượng xả thải lớn nhất là 844 m³/ngày đêm.

Công tác bảo vệ môi trường luôn được lãnh đạo công ty quan tâm. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường trong Công ty được thành lập từ cấp quản lý đến các đơn vị trực thuộc Công ty. Công ty đã và đang quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001 - 2015.

Công ty đã đầu tư xây dựng các công trình lĩnh vực môi trường mang lại hiệu

quả cải thiện môi trường như:

- 01 Hệ thống khử mùi amoniac tại khu vực sản xuất mù ly tâm, đã làm giảm đáng kể khí amoniac ảnh hưởng sức khỏe công nhân.

- 01 Hệ thống tháp xử lý khí thải cho dây chuyền chế biến mù côm tạp.

- Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải cho nhà máy chế biến cao su đạt tiêu chuẩn cột A QCVN-01-MT:2015/BTNMT. Từ giữa năm 2021 công ty đã tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và hiện tại đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm. Công ty đã lắp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền tín hiệu về Sở TN&MT Tây Ninh. Công ty đã được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép môi trường số 2602/GPMT-UBND ngày 14/12/2023 với lưu lượng xả thải lớn nhất là 844 m³/ngày đêm.

- Nước thải và nước mưa được thu gom trong hệ thống thu gom riêng.

- Công ty cũng đã xây dựng các kho lưu trữ chất thải nguy hại cho các nhà máy và nông trường/đội/tổ, Trung tâm y tế. Đối với chất thải thông thường, Công ty và các đơn vị trực thuộc đều hợp đồng với công ty dịch vụ của Huyện Tân Châu thu gom và xử lý tập trung.

e. Máy móc thiết bị

Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất có niên hạn sử dụng trên 10 năm, được sửa chữa phục hồi hoặc thay mới theo quy định. Hàng năm, tất cả máy móc thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên, hiện đang phục vụ sản xuất tốt.

f. Công trình kiến trúc

Các công trình kiến trúc (nhà xưởng sản xuất, nhà kho, nhà làm việc công ty, nông trường, đội) đều đã được xây dựng và hàng năm đều được bảo trì, sửa chữa kịp thời đáp ứng yêu cầu sử dụng.

g. Các công trình văn hóa, thể dục thể thao

Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà văn hóa, sân tennis, sân bóng chuyên, bóng đá tại Công ty và các nhà văn hóa, sân bóng ở các nông trường nhằm đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao cho toàn bộ cán bộ, công nhân lao động của công ty.

h. Hệ thống y tế, giáo dục

Hiện nay tại các Nông trường, Công ty đều đầu tư trạm y tế đảm bảo cơ sở vật chất và nhân lực để khám, chữa bệnh tại chỗ cho người lao động. Trong trường hợp có ca bệnh nặng đều có phương tiện chuyển bệnh kịp thời lên tuyến trên. Ngoài ra, hàng năm người lao động đều được khám sức khỏe định kỳ một lần do Y tế ngành và y tế Công ty phối hợp thực hiện.

Công ty đã bàn giao toàn bộ hệ thống giáo dục cho huyện Tân Châu quản lý theo chủ trương chung của Chính phủ và sắp xếp doanh nghiệp.

i. Hệ thống thông tin liên lạc, cáp quang

Tại địa bàn công ty, VP nông trường và nhà máy chế biến hệ thống thông tin liên

lạc như đường điện thoại, cáp quang, internet, 3G gần như được phủ sóng toàn bộ.

2.2. Thông tin về khu vực đánh giá

2.2.1. Thông tin về Nông trường Bồ Túc

a. Thông tin chung

Tên nông trường: Nông trường cao su Bồ Túc

Tên đơn vị chủ quản: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Ngành nghề hoạt động của công ty: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su thiên nhiên.

Địa chỉ Nông trường: xã Tân Đông, Suối Dây và Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, Nông trường cao su Bồ Túc đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường lô cao su, chiếm diện tích 51,08 ha; đường điện không lưu, chiếm diện tích 3.1 ha; đường mương nước, chiếm diện tích 9.9 ha.

Văn phòng Đội sản xuất có diện tích 50 m², Nông trường cao su Bồ Túc có 3 Đội sản xuất, tổng diện tích là 150 m². Văn phòng được xây dựng dạng nhà cấp 4, khung kèo bằng sắt, mái lợp tôn, nền gạch và phân bố trong các lô cao su.

Loại hình đơn vị: Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su thiên nhiên

b. Loại hình hoạt động của nông trường

Nông trường cao su Bồ Túc là một đơn vị trực thuộc công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên. Nông trường quản lý diện tích cao su: 2.178,19 ha để trồng, khai thác mủ cao su, bán và thanh lý cây cao su đã hết khả năng khai thác.

Sản lượng khai thác mủ năm 2024 của nông trường là 1.219,53 tấn mủ. Mủ nước và mủ tạp của nông trường sau khi khai thác sẽ được chở về Xí nghiệp cơ khí chế biến cao su của công ty để chế biến.

Gỗ cao su khai thác hàng năm của nông trường từ quá trình loại bỏ cây cao su đã hết khả năng khai thác được công ty bán cho các đơn vị sản xuất gỗ trong và ngoài tỉnh.

2.2.2. Thông tin về Nông trường Suối Ngô

a. Thông tin chung

Tên nông trường: Nông trường cao su Suối Ngô

Tên đơn vị chủ quản: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Ngành nghề hoạt động của công ty: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su thiên nhiên.

Diện tích đất của Nông trường nằm trên 2 xã Suối Ngô và Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, Nông trường cao su Suối Ngô đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường lô

cao su, chiếm diện tích 43,02 ha; đường điện không lưu, chiếm diện tích 7,76 ha; đường mương nước, chiếm diện tích 7,15 ha.

Nông trường cao su Suối Ngô có 4 Đội sản xuất, Văn phòng được xây dựng dạng nhà cấp 4, khung kèo bằng sắt, mái lợp tôn, nền gạch và phân bố trong các lô cao su.

b. Loại hình hoạt động của nông trường

Nông trường cao su Suối Ngô là một đơn vị trực thuộc công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên. Nông trường quản lý diện tích cao su: 1.716,97 ha để trồng, khai thác mủ cao su và thanh lý cây cao su đã hết khả năng khai thác.

Sản lượng khai thác mủ năm 2024 của nông trường là 1.206,35 tấn mủ. Mủ nước và mủ tạp của nông trường sau khi khai thác sẽ được chở đến Xí nghiệp cơ khí chế biến cao su của công ty để chế biến.

Gỗ cao su khai thác hàng năm của nông trường từ quá trình loại bỏ cây cao su đã hết khả năng khai thác được công ty bán cho các đơn vị sản xuất gỗ trong và ngoài Tỉnh.

2.2.3. Thông tin về Nông trường Tân Hiệp

a. Thông tin chung

Tên nông trường: Nông trường cao su Tân Hiệp

Tên đơn vị chủ quản: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Ngành nghề hoạt động của công ty: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su thiên nhiên.

Địa chỉ Nông trường: xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu và xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, Nông trường cao su Tân Hiệp đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường lô cao su, chiếm diện tích 30,5 ha; đường điện không lưu, chiếm diện tích 2,54 ha; đường mương nước, chiếm diện tích 5,2 ha.

Văn phòng Đội sản xuất có diện tích 50 m², Nông trường cao su Tân Hiệp có 1 Đội sản xuất và 1 tổ chăm sóc. Văn phòng được xây dựng dạng nhà cấp 4, khung kèo bằng sắt, mái lợp tôn, nền gạch và phân bố trong các lô cao su.

Loại hình đơn vị: Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su thiên nhiên

b. Loại hình hoạt động của nông trường

Nông trường cao su Tân Hiệp là một đơn vị trực thuộc công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên. Nông trường quản lý diện tích cao su: 971,99 ha để trồng, khai thác mủ cao su, bán và thanh lý cây cao su đã hết khả năng khai thác.

Sản lượng khai thác mủ năm 2024 của nông trường là 470,39 tấn mủ. Mủ nước và mủ tạp của nông trường sau khi khai thác sẽ được chở đến Xí nghiệp cơ khí chế biến cao su của công ty để chế biến.

Gỗ cao su khai thác hàng năm của nông trường từ quá trình loại bỏ cây cao su đã hết khả năng khai thác được công ty bán cho các đơn vị sản xuất gỗ trong và ngoài Tỉnh.

2.2.4. Thông tin về Nông trường Xa Mát

a. Thông tin chung

Tên nông trường: Nông trường cao su Xa Mát

Tên đơn vị chủ quản: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Ngành nghề hoạt động của công ty: Trồng, khai thác và chế biến mủ cao su thiên nhiên.

Địa chỉ Nông trường: xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, Nông trường cao su Xa Mát đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường lô cao su, chiếm diện tích 18,39 ha; đường điện không lưu, chiếm diện tích 2,14 ha; đường mương nước, chiếm diện tích 4,6 ha.

Văn phòng Đội sản xuất có diện tích 50 m², Nông trường cao su Xa Mát có 2 Đội sản xuất, tổng diện tích là 100 m². Văn phòng được xây dựng dạng nhà cấp 4, khung kèo bằng sắt, mái lợp tôn, nền gạch và phân bố trong các lô cao su.

Loại hình đơn vị: Trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su thiên nhiên

b. Loại hình hoạt động của nông trường

Nông trường cao su Xa Mát là một đơn vị trực thuộc công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên. Nông trường quản lý diện tích cao su: 753,58 ha để trồng, khai thác mủ cao su, bán và thanh lý cây cao su đã hết khả năng khai thác.

Sản lượng khai thác mủ năm 2024 của nông trường là 235,3 tấn mủ. Mủ nước và mủ tạp của nông trường sau khi khai thác sẽ được chở đến Xí nghiệp cơ khí chế biến cao su của công ty để chế biến.

Gỗ cao su khai thác hàng năm của nông trường từ quá trình loại bỏ cây cao su đã hết khả năng khai thác được công ty bán cho các đơn vị sản xuất gỗ trong và ngoài Tỉnh.

3. Chiến lược kinh doanh rừng

Chủ trương của Công ty xác định xuất khẩu vẫn là kênh quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm, giữ vững thị trường hiện hữu, tìm cơ hội mở rộng thị trường mới, đa dạng hóa sản phẩm; nghiên cứu chế biến những sản phẩm mới đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm.

Xây dựng kế hoạch quản lý sản xuất để tiến tới nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm tiêu thụ, đảm bảo ổn định và vượt mức lượng sản phẩm theo nhu cầu thị trường.

Thực hiện xin cấp chứng chỉ PEFC cho cây cao su và mủ cao su để tăng giá trị sản phẩm trên thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm sang các nước trên thế giới.

4. Các tác động chính đến xã hội

- Hoạt động trồng và chăm sóc;
- Hoạt động quản lý và bảo vệ, phòng chống cháy;
- Hoạt động khai thác mủ cao su;
- Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp.

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Đặt vấn đề

Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên đang trong quá trình thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững nhằm tiến tới đạt được chứng chỉ rừng VFCS theo tiêu chuẩn PEFC cho toàn bộ diện tích trồng cao su của công ty. Một trong những yêu cầu của bộ tiêu chuẩn là chủ rừng phải xác định các yếu tố của hoạt động quản lý kinh doanh rừng mà có thể ảnh hưởng đến xã hội. Do vậy cần tiến hành một đánh giá tác động xã hội (SIA) cho các hoạt động quản lý rừng của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên.

Đánh giá tác động xã hội được thực hiện để xác định những bên liên quan chính và thiết lập một khung phù hợp cho sự tham gia của họ vào việc lựa chọn, thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện các hoạt động phát triển rừng cũng như kinh doanh rừng trên địa bàn có rừng và đất cao su của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên. Việc đánh giá tác động xã hội cũng nhằm đảm bảo rằng các mục tiêu và động lực cho sự thay đổi mang tính xã hội được chấp nhận bởi đa số người dân, là những người dự kiến sẽ được hưởng lợi từ việc kinh doanh rừng của công ty; đồng thời xác định những rủi ro có thể xảy ra. Các khía cạnh của việc đánh giá tác động xã hội bao gồm:

- Các tác động tiêu cực và các khuyến nghị khắc phục các tiêu cực tiềm tàng được tạo ra do bởi các hoạt động kinh doanh rừng;

- Các tác động xã hội của hoạt động quản lý rừng của Công ty lên cuộc sống của dân địa phương trong khu vực công ty theo các nguyên tắc của bộ tiêu chuẩn quốc gia VFCS theo tiêu chuẩn PEFC:

- + Nguyên tắc 2: Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương

- + Nguyên tắc 3: Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động.

Các khía cạnh này được đánh giá nhằm hướng đến mục đích của việc trồng rừng là góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương sống gần rừng, hạn chế những tác động tiêu cực của người dân vào rừng, giải quyết hài hoà các mối quan hệ giữa kinh doanh rừng với lợi ích kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện quản lý rừng bền vững cũng như các tiêu chuẩn của PEFC.

2. Mục đích của đánh giá

Mục đích của việc đánh giá tác động xã hội này (SIA) trước hết là kiểm tra các tác động tiềm năng của các hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên - tác động tích cực và tiêu cực - trên cơ sở các hoạt động của công ty. Đồng thời, tìm ra các biện pháp giải quyết các tác động bất lợi tiềm năng và đề xuất các hoạt động phát triển cộng đồng có liên quan đến các mục tiêu phát triển và quản lý rừng bền vững. Trong báo cáo đánh giá tác động xã hội này tập trung khảo sát và đánh giá những vấn đề liên quan tới các mục tiêu sau đây:

- Thu thập các số liệu về kinh tế xã hội của cộng đồng dân cư sinh sống bên trong và xung quanh các khu vực vườn cao su của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên. Bao gồm dân số, loại hình dân tộc, trình độ học vấn, mức sống.

- Xác định tình hình sử dụng nguồn tài nguyên của người dân trong khu vực, đánh giá các cơ hội sinh kế của cộng đồng địa phương trong bối cảnh công ty thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững.

- Đánh giá tác động xã hội của các hoạt động quản lý kinh doanh rừng của Công ty đối với cuộc sống của người dân sinh sống xung quanh trên cơ sở tham khảo các nguyên tắc 2,3 của bộ tiêu chuẩn VFCS - PEFC.

3. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá tác động xã hội

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 Của Chính phủ Quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2024 Của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Luật Phòng cháy chữa cháy số 40/2013/QH13, ngày 22/11/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua.

- Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia VFCS, nguyên tắc 2: Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương, nguyên tắc 3 về Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động.

4. Nội dung và phương pháp đánh giá

4.1. Nội dung đánh giá

- Thu thập và phân tích các số liệu về nhân chủng học về dân số, dân tộc sinh sống trong và kề bên Công ty, cụ thể là số xã, hộ gia đình, phát triển dân số, tình hình dân di cư, tổng dân số trong khu vực, các loại dân tộc thiểu số, dân bản địa.

- Thu thập và phân tích thông tin về việc làm, lao động dư thừa trong sản xuất nông nghiệp, các hoạt động phi lâm nghiệp, các cơ hội việc làm, thu nhập, các nguồn thu nhập cho dân địa phương trong khu vực, chi phí cho cuộc sống hàng ngày của dân địa phương, cơ hội tiếp cận với các trợ giúp về tài chính, tín dụng; tình hình cuộc sống của dân cư trong khu vực liền kề công ty, đặc biệt là mức sống, cơ sở hạ tầng (đường xá, phương tiện đi lại, hệ thống điện, phương tiện truyền thông, nước sạch, vệ sinh, sức khỏe, khả năng tiếp cận của họ đến bệnh viện, trường học, giáo dục).

- Thu thập và phân tích thông tin về các hoạt động lâm nghiệp và phi lâm nghiệp của công ty để phân tích những mặt tích cực và tiêu cực của các hoạt động này trên các địa bàn khác nhau.

- Thu thập và phân tích thông tin và đánh giá các tác động xã hội của hoạt động quản lý rừng của Công ty lên cuộc sống của dân địa phương trong khu vực công ty Hệ

thống Chứng chỉ rừng quốc gia VFCS, nguyên tắc 2 Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương, nguyên tắc 3 về Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động.

4.2. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp thu thập thông tin và phân tích thông tin

Trong đánh giá tác động xã hội của việc trồng rừng tại Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên, phương pháp đánh giá tác động xã hội được thực hiện chủ yếu dựa trên các điều tra, đánh giá mang tính định tính sau đây:

(i) *Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp*: Việc phân tích tài liệu liên quan đến việc đánh giá tác động xã hội sẽ cung cấp các thông tin cơ sở cho việc đánh giá những tác động xã hội của việc kinh doanh rừng có những thay đổi diễn ra đối với các cộng đồng địa phương như thế nào. Thêm vào đó, nó cũng giúp xác định những dữ liệu cần phải được thu thập và đánh giá đúng những trọng tâm cần đánh giá. Đồng thời, từ những dữ liệu lưu lại, so sánh với những đòi hỏi về dữ liệu làm minh chứng theo yêu cầu của chứng chỉ VFCS/PEFC để bổ sung cho đầy đủ.

(ii) *Phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm*: nhằm thu thập các thông tin chung, các quan điểm về một vấn đề cụ thể hoặc làm sáng tỏ một vấn đề từ một nhóm nhỏ những người được lựa chọn đại diện cho các quan điểm khác nhau và những người bị ảnh hưởng khác nhau (người nghèo, người dân tộc thiểu số, người bị ảnh hưởng nặng,...). Thảo luận nhóm là một phương pháp tốt để thu thập các ý kiến trái ngược nhau, các vấn đề chung của cộng đồng, của địa điểm đánh giá được phát hiện trong phỏng vấn sâu. Phương pháp phỏng vấn sâu được thực hiện cho cả ba nhóm đối tượng gồm: (1) cán bộ lãnh đạo của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên như ban giám đốc, cán bộ phụ trách các phòng ban; (2) Đại diện các cơ quan chính quyền địa phương và (3) các hộ gia đình sống trong và ven các khu vực điều tra. Phương pháp thảo luận nhóm chỉ được thực hiện tại các khu vực/cộng đồng mà ở đó thông tin thu thập trong phỏng vấn sâu có sự sai biệt. Các đối tượng được chọn phỏng vấn sâu và tham gia thảo luận nhóm là được chọn một cách ngẫu nhiên, ngoại trừ lãnh đạo của công ty.

(iii) *Phương pháp quan sát trực tiếp*: phương pháp này giúp thu được các thông tin trực quan, mang tính kiểm chứng cho các dữ liệu đã thu thập được, đồng thời làm sáng tỏ hơn về bối cảnh mà các thông tin/dữ liệu được thu thập trong phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm để mô tả kết quả được cụ thể hơn và tin cậy hơn.

b. Công cụ thu thập thông tin

Công cụ được dùng để thu thập thông tin chủ yếu được áp dụng thông qua việc phỏng vấn cấu trúc và bán cấu trúc. Việc phỏng vấn cấu trúc chủ yếu được thực hiện trong việc điều tra các hộ gia đình sống trong và ven các khu vực được đánh giá bằng bảng câu hỏi điều tra hộ gia đình (*xem phụ lục*). Việc phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện chủ yếu trong việc phỏng vấn các cán bộ, nhân viên trong công ty. Nội dung của việc phỏng vấn bán cấu trúc tập trung vào các nội dung như lịch sử kinh doanh rừng, các hoạt động thường niên, những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh rừng,...

Bên cạnh đó, việc quan sát, chụp ảnh và ghi nhận lại thực tế điều tra theo các nội dung cần đánh giá cũng được thực hiện song song với quá trình phỏng vấn.

Cuối cùng, các công cụ được dùng trong thảo luận nhóm như xác định các vấn đề để người tham gia xác định các nguyên nhân và các giải pháp để giải quyết vấn đề. Các chủ đề đã được tập trung thảo luận như (i) cơ sở hạ tầng nông thôn tại các địa phương được khảo sát, (ii) những tác động việc trồng rừng của công ty ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống và khả năng thích ứng của người dân, (iii) tình trạng sử dụng đất và sử dụng tài nguyên rừng của người dân, (iv) sự chia sẻ lợi ích với người dân của công ty, (v) nhận thức của cộng đồng lợi ích lâu dài của việc trồng rừng và (vi) các tác động tích cực và tiêu cực tiềm tàng của các hoạt động kinh doanh rừng của công ty đến người dân và các biện pháp giảm thiểu.

5. Phạm vi đánh giá

Đánh giá tác động xã hội tập trung vào các đơn vị, ban ngành liên quan có các hoạt động làm ảnh hưởng/có tác động tới tất cả các khu vực rừng do Công ty quản lý. Tiếp theo đó là nhóm cộng đồng/người dân sống trong hoặc liền kề các khu vực rừng trồng của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên.

Diện tích đất rừng của Công ty Cổ phần Cao Su Tân Biên tại các đơn vị đã được cấp chứng chỉ rừng (VFCS/PEFC) là 4.426,11 ha nằm trên địa bàn Nông trường: Nông trường Bồ Túc (xã Tân Đông), Nông trường Suối Ngô (xã Tân Hòa và xã suối Ngô) huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và 1.976,61 ha tại Xa Mát, Tân Hiệp, Bồ Túc, Suối Ngô xin cấp mới.

PHẦN III. ĐÁNH GIÁ BAN ĐẦU

1. Xác định các bên liên quan và vai trò của các bên

Liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, các bên liên quan được xác định chia làm ba nhóm chính. Nhóm thứ nhất là nhóm quản lý có Tập đoàn và ban lãnh đạo Công ty. Nhóm thứ hai là các tổ chức dân sự xã hội. Nhóm thứ ba là nhóm phối hợp thực hiện, bao gồm các đơn vị trong công ty (Nông trường), UBND các xã. Các bên liên quan trong các nhóm này có vai trò khác nhau trong việc đánh giá các tác động xã hội do các hoạt động của công ty gây ra, được xác định gồm các bên liên quan chính như sau:

(1) Các cơ quan quản lý

Ban tổng giám đốc công ty phối hợp trực tiếp với UBND tỉnh Tây Ninh và UBND các huyện để nắm bắt các chủ trương chính sách để chỉ đạo trực tiếp đến các phòng ban trực tiếp trong công ty xây dựng các kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm. Đồng thời, tạo ra sự phối hợp với UBND cấp tỉnh và cấp huyện trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp lớn (nếu có) được chặt chẽ và đồng bộ từ cấp tỉnh xuống các địa phương.

(2) Các tổ chức xã hội tại địa phương

Các tổ chức chính trị - xã hội, như: Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi cấp xã và thôn/ấp... là những hội có lực lượng hội viên đông đảo và cơ cấu đến thôn xóm. Các tổ chức xã hội là người giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp trong công ty. Các tổ chức hội, đoàn thể ở cộng đồng là nơi nắm bắt các vấn đề và phản hồi của người dân liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp của công ty. Đồng thời, các tổ chức hội này phối hợp với các tổ dân phố tại cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong việc giám sát các hoạt động lâm nghiệp của công ty từ thực tiễn để phản ảnh lại với phía công ty để họ kịp thời điều chỉnh thiết kế, hoạt động hiện trường phù hợp nhằm giảm thiểu các tác động không mong muốn tới đời sống của người dân trong khu vực bị ảnh hưởng.

Các thôn/ấp, xóm là cấp làm việc trực tiếp với người dân, phản ảnh những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty từ cán bộ, công nhân của công ty hoặc bên thứ ba khác. Thôn/ấp, xóm sẽ là nơi cuối cùng triển khai các hoạt động cung cấp thông tin của công ty tới người dân và là nơi đầu tiên tiếp nhận các thông tin phản hồi của người dân liên quan đến các hoạt động của công ty. Vai trò của cán bộ thôn/ xóm rất quan trọng, mang tính khách quan và kịp thời khi phản ảnh những nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của người dân đối với việc giám sát quá trình thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty nhằm giảm thiểu những tác động không mong muốn tới đời sống của người dân. Ngoài ra, các ý kiến phản ảnh từ cán bộ thôn, xóm còn giúp cho việc xây dựng các hạng mục của của các hoạt động hay các gói thầu phù hợp hơn, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội hơn đối với cộng đồng dân cư trong khu vực hưởng lợi trực tiếp các hoạt động lâm nghiệp của công ty.

(3) Nhóm phối hợp thực hiện

Vai trò của nhóm phối hợp thực hiện đứng đầu là các đơn vị trong công ty

(Nông trường) chủ động thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin, báo cáo với về phòng Kỹ thuật của công ty. Bên cạnh đó mời các bên liên quan tham gia, góp ý các quy định về quản lý bảo vệ rừng của công ty. Đồng thời còn phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã, huyện để thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc, QLRBV và khai thác rừng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cán bộ các Nông trường là người đầu tiên, trực tiếp tiếp nhận các thông tin từ nhân dân và các bên liên quan đang phối hợp. Do vậy, cán bộ cấp nông trường cần thể hiện tính trung thực trong tiếp nhận thông tin, khéo léo trong giao tiếp và mềm dẻo trong thực thi công việc từ cấp trên xuống đến người dân.

Trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất của Công ty, sự tham gia của các bên liên quan có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trước hết, với sự tham gia góp ý kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch của các phương án kinh doanh dài hạn, các hạng mục gói thầu sẽ góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh phương án, thiết kế, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tăng hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như hiệu quả đầu tư, giảm đến mức tối thiểu các tác động không mong muốn do các hoạt động lâm nghiệp gây ra đối với đời sống của người dân trong cộng đồng, nhất là các tác động về xã hội. Sự phối hợp giữa các bên liên quan không tốt sẽ là tiềm tàng của sự lãng phí nguồn lực, gây chậm tiến độ thực hiện các mục tiêu chung của công ty, có tác động không tốt về mặt xã hội và hiệu quả đầu tư.

2. Sàng lọc các tác động xã hội

Các tác động xã hội cần đánh giá được sàng lọc từ các hoạt động lâm nghiệp tại các khu vực rừng trồng. Căn cứ theo các hoạt động lâm nghiệp của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, nông trường Bồ Túc và nông trường Suối Ngô, các hoạt động trồng rừng bao gồm: (1) Trồng rừng và chăm sóc (2) QLRBV và phòng chống cháy nổ, (3) Khai thác mủ cao su, Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ lâm nghiệp. Các hoạt động này đã tạo ra những tích cực về mặt xã hội tại các địa phương.

PHẦN IV. KẾT QUẢ

1. Đánh giá các tác động đến xã hội từ hoạt động lâm nghiệp và các giải pháp cần thực hiện

Hiện nay Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đang duy trì một lực lượng cán bộ và công nhân viên có trình độ và thu nhập ổn định. Tổng số lao động Công ty hiện tại là 810 lao động (tính đến thời điểm 31/12/2024).

Theo báo cáo kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên trong năm năm trở lại đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty những năm qua đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Có những đóng góp đáng kể đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã có diện tích vườn cao su của công ty bằng sự hỗ trợ về vật chất cũng như kỹ thuật. Hàng năm công ty thực hiện thuê khoán lao động địa phương tham gia vào công tác khai thác mủ và bảo vệ chăm sóc vườn cây.

1.1. Trồng rừng và chăm sóc rừng

Trồng cao su và chăm sóc cao su là những hoạt động được thực hiện hàng năm theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cao su. Việc trồng cao su được thực hiện trên những diện tích đã thanh lý và trồng dặm bổ sung. Việc chăm sóc rừng là những công việc như làm cỏ trên hàng cao su, bón phân cho vườn cao su kiến thiết cơ bản, trong hoạt động trồng và chăm sóc rừng không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng (tính đến thời điểm 31/12/2024).

Thời gian trồng cao su trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 đối với trồng tái canh, Trồng dặm cũng được thực hiện trong thời vụ nêu trên và kéo dài tối đa 1 tháng sau thời vụ trồng.

Công ty có tiến hành trồng xen một số loài cây ngắn ngày trong vườn cao su nhằm tăng lợi ích về mặt kinh tế.

Mặt tích cực: Hoạt động trồng và chăm sóc rừng hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra được lượng công việc mang tính thời vụ hàng năm cho những người lao động sống xung quanh các khu vực rừng do công ty quản lý;
- Tạo cảnh quan mát mẻ, trong lành;
- Tạo ra môi trường cho một số loài động vật sinh sống và các loại sản phẩm phụ khác mà người dân có thể khai thác để tăng thêm thu nhập từ rừng.

Mặt tiêu cực:

- Mùa trồng rừng và chăm sóc rừng rơi vào mùa vụ của nông - công nghiệp cần nhiều lao động, nên có hiện tượng thiếu hụt lao động tạm thời, dẫn đến việc nâng giá ngày công hoặc không ưu tiên cho các hoạt động trồng rừng và chăm sóc rừng;

- Việc sử dụng thuốc diệt cỏ sẽ tác động đến môi trường xung quanh và sử dụng phân bón cũng sẽ gây tác động đến môi trường đất và nước.

Những giải pháp khắc phục:

- Sử dụng thuốc diệt cỏ và phân bón theo đúng quy trình về liều lượng, thời gian và thời điểm. Không sử dụng thuốc hóa học bị cấm. Ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ và hạn chế sử dụng phân bón vô cơ.

1.2. Quản lý bảo vệ và phòng chống cháy cháy nổ

Sự phối hợp chặt chẽ và kịp thời giữa Công ty và chính quyền địa phương các cấp nên công tác bảo vệ, chống gia súc vào lô cao su đạt hiệu quả cao. Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác PCCC thông qua việc đề ra Nghị quyết, chủ trương, biện pháp tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, được cán bộ CNLĐ hưởng ứng và thực hiện tốt, đã có các hoạt động như 02 lần tổ chức tập huấn PCCC, 6 lần kiểm tra tại các Nông trường, 00 vụ cháy rừng xảy ra.... tính đến thời điểm hết năm 2024.

Mặt tích cực: Hoạt động quản lý và bảo vệ rừng hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Giữ được rừng cũng là giữ được môi trường trong khu vực và tạo điều kiện cho các lâm sản phụ dưới tán rừng phát triển;

- Hạn chế những thiệt hại gây ra do việc phòng chống cháy rừng, từ đó ảnh hưởng đến cây trồng nông - công nghiệp của người dân cận kề diện tích rừng;

- Hầu hết người dân tại các khu vực có rừng của công ty có ý thức tự giác quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

Mặt tiêu cực:

- Việc quản lý và bảo vệ, cấm chăn thả gia súc đã ảnh hưởng đến lợi ích của người dân sống gần rừng nên gây ra mâu thuẫn giữa người dân địa phương và người làm công tác quản lý rừng.

Những giải pháp khắc phục:

- Cần tuyên truyền cho người dân tại các khu vực hiểu rõ vai trò của việc quản lý và bảo vệ rừng không những cho công ty mà còn cho cả những hoạt động sinh kế của người dân như rừng chắn gió cho cây hoa màu, cây công nghiệp, giữ nước - tạo nguồn nước ngầm cho sản xuất nông nghiệp để từ đó người dân tích cực hơn trong việc bảo vệ rừng;

- Nên xây dựng kế hoạch quản lý bảo vệ rừng - phòng chống cháy hàng năm, theo mùa và thông báo cho người dân được rõ những hoạt động của công ty để biết và phối hợp.

Việc quản lý rừng không những tuân thủ theo các quy định của nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng mà còn phải vận dụng linh hoạt trong bối cảnh thực tế của từng khu vực, nhất là những khu vực có nhiều người dân bản địa sinh sống để dung hòa với phong tục tập quán của họ.

1.3. Hoạt động khai thác

Hoạt động khai thác rừng được thực hiện ở những lô rừng cao su đã đến tuổi cạo mủ và lô cao su thanh lý bán gỗ. Công ty thực hiện hợp đồng khoán lao động cạo mủ và bảo vệ vườn cây trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ gia đình cần tuân thủ công tác cạo mủ theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thu hoạch mủ cao su. Thực hiện việc khai thác cao su thanh lý theo các gói thầu.

Mặt tích cực: Hoạt động khai thác mủ và thanh lý cao su hàng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra được lượng công việc hàng năm cho một nhóm người lao động sống xung quanh các khu vực rừng do công ty quản lý hoặc các địa phương khác trong tỉnh;
- Mở thêm đường dân sinh phục vụ người dân đi lại.

Mặt tiêu cực:

- Việc khai thác rừng theo hợp đồng đấu thầu do vậy người dân địa phương, nhất là người dân bản địa khó tham gia vì những người chủ đầu thầu được thường sử dụng lao động của họ. Mặt khác người lao động không được trang bị bảo hộ lao động và không có hợp đồng lao động, có trường hợp người lao động chưa đến độ tuổi lao động.

Những giải pháp khắc phục:

- Kế hoạch khai thác nên công khai và thời gian khai thác trong năm cần được thương thảo với người dân;

- Trong quy định về đấu thầu khai thác rừng cần quy định về tỷ lệ sử dụng lao động địa phương cũng như độ tuổi lao động, trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và có sự giám sát từ phía công ty và người dân địa phương.

Cần chia sẻ lợi ích từ khai thác rừng cho cộng đồng để phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu tại các cộng đồng, từ đó sẽ tạo ra động lực giúp người dân giữ rừng.

1.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng

a) Nông trường Bồ Túc

- Đoạn nâng cấp tuyến đường đất: Tuyến lô C54-D54 (chiều dài 490,02 m), tuyến lô C55-D55 (chiều dài 498,29 m).

- Đoạn nâng cấp từ đường đất lên đường sỏi đỏ: tuyến lô C56-D56 (chiều dài 498,5 m), tuyến lô C57-D57 (chiều dài 501,43 m), tuyến lô D57-D58 (chiều dài 493,58 m), tuyến lô E57- E58 (chiều dài 500,64 m).

- Đoạn cải tạo, sửa chữa tuyến đường đất: tuyến lô P75-Q75 (chiều dài 505,44 m), tuyến lô OP76- Q76 (chiều dài 483,42 m), F57- F58 (chiều dài 501,62 m).

- Đoạn cải tạo, sửa chữa tuyến đường sỏi đỏ: tuyến lô F58-F59 (chiều dài 498,28 m), tuyến lô E58-E59 (chiều dài 504,94 m).

b) Nông trường Tân Hiệp

- Đoạn cải tạo, sửa chữa tuyến đường sỏi đỏ hiện hữu: tuyến lô M31-M32 (chiều dài 493,05 m), tuyến lô N31-N32 (chiều dài: 507,71 m), tuyến lô L35-M35 (chiều dài 501,13 m), tuyến lô O33-O34 (chiều dài 511,66 m), tuyến lô L31-M31 (chiều dài 496,14 m), tuyến lô L32-M32 (chiều dài 511,20 m), tuyến lô L33-M33

(chiều dài 502,15 m), tuyến lô L36-M36 (chiều dài 509,08 m), tuyến lô L34-M34 (chiều dài 511,47 m).

- Đoạn cải tạo, sửa chữa tuyến đường đất hiện hữu: tuyến lô M36-N36 (chiều dài 512,35 m), tuyến lô M35-N35 (chiều dài 502,86 m).

c) Nông trường Xa Mát

- Đoạn cải tạo, sửa chữa tuyến đường sỏi đỏ hiện hữu: tuyến lô H2-I2 (chiều dài 525,03 m), tuyến lô H3-I3 (chiều dài: 507,08 m), tuyến lô G1-H1 (chiều dài 134,84 m), tuyến lô G2-H2 (chiều dài 507,17 m), tuyến lô G3-H3 (chiều dài 275,42 m), tuyến lô H4-I4 (chiều dài 505,54 m).

- Đoạn cải tạo, sửa chữa tuyến đường đất hiện hữu: tuyến lô J3-J4 (chiều dài 508,13 m), tuyến lô F1-G1 (chiều dài 256,63 m), tuyến lô H5-H6 (chiều dài 509,50 m), tuyến lô I5-I6 (chiều dài 465,07 m).

Mặt tích cực: Hoạt động xây dựng và tu dưỡng cơ sở hạ tầng hằng năm có những mặt tích cực về mặt xã hội như sau:

- Tạo ra hạ tầng giao thông trong khu vực được thuận tiện không những cho việc vận xuất - vận chuyển lâm sản mà còn tạo cho việc đi lại, phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân trong khu vực được thuận lợi;

- Góp phần tạo ra mối quan hệ gắn kết giữa công ty với các cộng đồng xung quanh khu vực có rừng;

- Góp phần phát triển hệ thống giao thông nông thôn trong ở các địa điểm được đánh giá tác động.

Mặt tiêu cực:

- Việc xây dựng và sửa chữa hệ thống giao thông trong khu vực nếu không có sự phối hợp với chính quyền địa phương và sự đóng góp của người dân trong khu vực sẽ tạo ra sự ỷ lại vào công ty và từ đó ý thức giữ gìn hệ thống giao thông của người dân không cao;

- Việc xây dựng và sửa chữa hệ thống giao thông nông thôn chỉ chú trọng cho các hoạt động lâm nghiệp mà không chú ý đến nhu cầu đi lại của người dân đến các khu vực đất sản xuất, khu vực tiếp cận tài nguyên của người dân sẽ nảy sinh mâu thuẫn trong sử dụng hoặc ảnh hưởng đến tính hiệu quả của đường giao thông được xây dựng và sửa chữa.

Cách khắc phục:

- Việc xây dựng hệ thống giao thông trong khu vực cần phối hợp với chính quyền địa phương và sự đóng góp từ phía người dân để tạo được sự đồng thuận và gìn giữ các con đường một cách lâu dài và các bên liên quan đều có trách nhiệm;

- Việc thiết kế hệ thống giao thông không những chú ý đến mục tiêu của lâm nghiệp mà nên chú ý đến các hoạt động dân sinh trong khu vực, họ có thể dùng chung với hệ thống giao thông trong lâm nghiệp. Từ đó, sẽ giảm tác động của người dân đến rừng và tạo ra sự quản lý rừng tốt hơn.

Đánh giá chung:

Các hoạt động lâm nghiệp nói chung của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã mang lại nhiều tích cực về mặt xã hội cho người dân ở xung quanh các khu vực có rừng. Những ảnh hưởng tích cực dễ nhìn thấy rõ đến sự phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng địa phương như tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa phương. Đồng thời tạo ra sự giao thương thông suốt từ những cộng đồng sống gần rừng đến các trung tâm đô thị. Dù vậy, nếu khắc phục các tác động tiêu cực bằng các giải pháp trên thì các mặt tích cực này sẽ nhiều hơn và mang tính lâu dài đối với không những hoạt động của công ty mà cho cả sự phát triển kinh tế xã hội của các khu vực.

2. Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Kết quả điều tra cho thấy hàng năm, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động mang tính xã hội tại các địa phương có diện tích rừng của công ty. Các hoạt động được người dân đề cập đến như kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn, thăm hỏi trợ cấp đột xuất, do thiên tai, bệnh tật, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho học sinh, sinh viên, quà tết cho cán bộ. Dù vậy, những hoạt động này của công ty có những mặt tích cực và hạn chế (*Chi tiết tại phụ lục 1*).

2.1. Các mặt tích cực của các hoạt động xã hội

Các hoạt động xã hội được tạo ra từ Công ty và duy trì quỹ phúc lợi tạo ra các tác động tích cực cho các địa phương như:

- Thể hiện tinh thần chia sẻ với các hộ gia đình sống gần khu vực rừng Công ty. Hàng năm, hỗ trợ các quỹ vì người nghèo của xã, huyện, tỉnh, hỗ trợ dân nghèo trên địa bàn huyện ăn Tết, ủng hộ quỹ phòng chống thiên tai, Hội khuyến học, Hội nạn nhân chất độc da cam, Hội khuyết tật, ... đại diện công ty có tham dự các lễ hội của các cộng đồng trong khu vực khi được mời.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát trang thiết bị y tế cho người lao động.

- Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con cán bộ CNV, người lao động Công ty nhân dịp các ngày lễ tết.

- Chăm lo đời sống người lao động gắn với chế độ chính sách của người lao động, tổ chức thăm hỏi tặng quà cho công nhân bị tai nạn lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thăm viếng ốm đau, khuyết tật, cán bộ hưu chí, các gia đình có công với cách mạng, ...

- Khen thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, các phong trào của công ty.

- Hỗ trợ, ủng hộ các cơ quan, tổ chức tại địa phương.

- Các mặt tích cực này đã được các cơ quan từ cấp huyện xuống đến từng người dân đều ghi nhận. Tuy nhiên, người dân cũng chỉ ra những hạn chế cần khắc phục để thực hiện tốt hơn các hoạt động xã hội từ phía Công ty.

2.2. Các mặt còn chưa thực hiện được của các hoạt động xã hội

Mặc dù, các hoạt động xã hội đã tạo ra nhiều mặt tích cực cho xã hội nhưng vẫn còn tồn tại một số khiếm khuyết như sau:

- Thực hiện các hoạt động này chưa đồng đều giữa các địa phương khác nhau trong phạm vi đất rừng của công ty.

3. Các giải pháp cần khắc phục

Để khắc phục các vấn đề tồn tại trên, các giải pháp cần thực hiện là:

- Xây dựng kế hoạch cho các hoạt động mang tính xã hội thường xuyên hàng năm với các tiêu chí, chỉ báo rõ ràng và thông báo công khai cho các địa phương và các cộng đồng để họ có sự phân đầu theo yêu cầu/chỉ báo của công ty;

- Về lâu dài, công ty cần xây dựng quy tắc chia sẻ lợi ích từ việc thu hoạch cũng như các biện pháp chế tài khi người dân vi phạm các quy định quản lý bảo vệ rừng. Quy tắc này phải được tham vấn với các cộng đồng và cả chính quyền địa phương trước khi được áp dụng;

- Xây dựng quy định về tham vấn cộng đồng, quy định quản lý bảo vệ rừng có sự tham gia, chính sách tuyển dụng có ưu tiên người địa phương.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Diện tích rừng của công ty duy trì chứng chỉ VFCS/PEFC là 4.426,11 ha, phân bố tại Nông trường Bồ Túc là 2.426,99 ha và Nông trường Suối Ngô là 1.999,12 ha và 1.976,61 ha tại Xa Mát, Tân Hiệp, Bồ Túc, Suối Ngô xin cấp mới. Có sự chỉ đạo giám sát từ Công ty do đó việc thực hiện quản lý rừng bền vững, khi triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động của Nông trường theo tiêu chí VFCS/PEFC sẽ thuận lợi.

Các hoạt động lâm nghiệp của công ty đa phần mang tính tích cực đến đời sống của người dân, dù rằng có những tác động tiêu cực nhưng không nhiều. Các hoạt động lâm nghiệp của công ty gần đây thay đổi theo chiều hướng tối ưu hóa hiệu quả lao động là tích cực nhưng cần làm rõ và thống nhất những quy định có lợi cho người dân xung quanh các khu vực rừng do công ty quản lý để giảm thiểu tác động tiêu cực đến tài nguyên rừng.

5.2. Kiến nghị

Để đảm bảo những hoạt động lâm nghiệp của công ty giảm thiểu những tác động xã hội tiêu cực, đồng thời tuân thủ tiêu chuẩn VFCS/PEFC, các kiến nghị sau cần được lưu ý:

Xây dựng quy trình tham vấn và quan hệ với các bên liên quan: mọi hoạt động lập kế hoạch quản lý cần tham vấn các bên liên quan đặc biệt cộng đồng địa phương nhằm đảm bảo kế hoạch hoạt động của công ty không mâu thuẫn với lợi ích của cộng đồng địa phương.

Hàng năm công ty cần gửi bản tóm tắt phương án quản lý rừng, kế hoạch thực hiện hàng năm và tóm tắt kết quả thực hiện, giám sát hoạt động cho các bên liên quan.

Tiếp tục duy trì và thực hiện quy chế tuyển dụng lao động, trong đó đề cập đến mức lương tối thiểu không thấp hơn các đơn vị tương đương trên địa bàn, ưu tiên sử dụng lao động địa phương và không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, quy định về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Duy trì và thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn: Bổ sung những kiến thức chuyên môn cho người lao động, đảm bảo lĩnh vực họ làm việc phải được đào tạo, tập huấn về chuyên môn.

Duy trì và thực hiện về hướng dẫn an toàn lao động và cung cấp đủ trang thiết bị bảo hộ đạt tiêu chuẩn cho người lao động mà công ty đã thực hiện

Đánh giá rủi ro tai nạn và đề xuất các biện pháp giảm thiểu. Đồng thời xây dựng chính sách bồi thường thiệt hại.

Đảm bảo hoạt động công đoàn là đại diện cho tiếng nói của người lao động và tiếp tục thực hiện các hoạt động của công đoàn đã thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định Phê duyệt *chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030*, tầm nhìn đến 2050 (Quyết định 523/QĐ-TTg ngày 01/04/2021).
2. Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT về việc Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam (hết hiệu lực 30/01/2025)
3. Thông tư 25/2024/TT-BNNPTNT về việc Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam (hiệu lực 30/01/2025)
4. Báo cáo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2020 - 2030 công ty
5. Quy chế hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn Công ty
6. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng kế hoạch năm 2025

**Phụ lục 1: Danh sách thực hiện chi quỹ phúc lợi của Công ty Cổ phần Cao su
Tân Biên năm 2024**

TT	Nội dung phúc lợi	Số tiền (đvt: 1.000đ)	Ghi chú
1	Đóng góp quỹ vì người nghèo (Tây Ninh)	130.000	
2	Hỗ trợ trẻ em, đồng bào dân tộc nghèo, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương Tây Ninh và Tp.HCM	271.440	
3	Xây nhà tình thương, Đại đoàn kết, nhà rộng (Tây Ninh, Hà Tĩnh)	85.000	
4	Hỗ trợ quỹ và xây nhà đèn ơn đáp nghĩa (Tây Ninh)	80.000	
5	Ủng hộ đồng bào lũ lụt, đồng bào thiên tai (Tây Ninh, Tp.HCM)	250.000	
6	Ủng hộ chiến sĩ đồn biên phòng, công an biên giới (Tây Ninh)	10.000	
7	Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, hội liên hiệp phụ nữ làng thôn (Tây Ninh và Tp.HCM)	130.000	
8	Xây dựng, tu sửa nâng cấp khu mộ liệt sĩ, nhà tưởng niệm, bảo tàng truyền thống văn hóa (Bình Phước)	15.000	
9	Hỗ trợ cho các chương trình an sinh xã hội khác (Tây Ninh và Tp.HCM)	77.777	
Tổng cộng		1.049.217	

Phụ lục 2

Nội dung 1. Bảng câu hỏi điều tra hộ gia đình và cá nhân

PHỎNG VẤN HỘ GIA ĐÌNH

I. Thông tin chung

Huyện: Xã: Thôn/Buôn:

Ngày phỏng vấn:

Họ và tên người phỏng vấn

Họ và tên người được phỏng vấn:

Giới tính người được phỏng vấn: 1- Nam 2- Nữ Tuổi:

(Lưu ý: chủ hộ có thể là người trả lời, có thể không phải là người trả lời)

II. Thông tin cơ bản về hộ gia đình

1. Dân tộc:

1- Kinh..... 2. Dân tộc khác:.....

2. Gia đình là người địa phương hay từ nơi khác đến?

1- Người địa phương (trong phạm vi xã/huyện)

2- Nơi khác đến (trả lời tiếp 2 ý dưới đây)

2a. Nếu nơi khác đến: Bắt đầu đến địa phương sống từ năm nào:

2b. Trước khi chuyển đến đây, gia đình sống ở đâu:

1- Tỉnh khác lân cận 2- Các tỉnh miền Trung

3- Các tỉnh miền Bắc 4- KB/KTL

3. Nghề nghiệp chính của chủ hộ (có thể chọn nhiều phương án):

1- Nông nghiệp 2- Lâm nghiệp 3- Chăn nuôi/thủy sản 4- Công nghiệp

5- Làm thuê 6- Buôn bán, dịch vụ 7- Thất nghiệp 8- Khác

4. Anh/chị vui lòng cho biết gia đình mình thuộc thành phần nào sau đây?

1. Làm nông nghiệp, không liên quan đến lâm nghiệp

2. Làm nông nghiệp nhưng vẫn làm thuê cho công ty lâm nghiệp

3. Làm công nhân của công ty Lâm nghiệp

4. Làm cán bộ của công ty lâm nghiệp

5. Khác:

II. Tác động về sinh kế của hộ gia đình

2.1 Tài nguyên đất gia đình đang sử dụng

5a. Nếu là đất của gia đình trong ranh giới của công ty thì theo anh/chị, công ty đã có hướng giải quyết như thế nào?

1.
2.
3.

5b. Nếu là đất đang tranh chấp với công ty thì theo anh/chị việc tranh chấp là vì lý do gì?

1. Chưa xác định ranh giới rõ ràng giữa đất công ty với đất của gia đình
2. Việc đền bù chưa thoả đáng
3. Lý do khác (cụ thể):.....

2.2 Chăn thả gia súc

6. Việc chăn/thả rong gia súc ở địa phương có bị giới hạn bởi những quy định nào không?

1. Chỉ được chăn/thả rong trên đất công cộng
2. Các hộ gia đình khác do phá hoại hoa màu
3. Khác:

7. Theo gia đình anh/chị, việc chăn thả gia súc tại địa phương nên có những thay đổi nào để việc chăn nuôi của người dân được tốt hơn?

1.
2.
3.

III. Các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp

8. Theo anh/chị, các hoạt động của Công ty có tạo ra công ăn việc làm cho gia đình anh/chị không?

1. Có nhưng rất ít 2. Có, rất tốt 3. Không 4. KB/KTL

9. Nếu công ty có tạo ra công ăn việc làm cho người dân địa phương thì là những công việc cụ thể nào?

1.
2.
3.

10. Trong các hoạt động của công ty, có hoạt động nào đã hỗ trợ tốt cho phong tục/tập quán của người dân không? Nếu có đó là hoạt động nào?

1. Không có

2. Có, đó là:

(1)

(2)

(3)

11. Trong các hoạt động của công ty lâm nghiệp, có hoạt động nào cần phải quan tâm đến phong tục/tập quán của người dân không? Nếu có đó là hoạt động nào?

1. Không có

2. Có, đó là:

(1)

(2)

(3)

12. Gia đình anh/chị có tham gia vào việc xây dựng kế hoạch cho các hoạt động của Công ty không?

1. Có 2. Không 3. KB/KTL

Nếu có thì tham gia vào những công việc cụ thể nào?

1.

2.

IV. Nhận định của người dân về Công ty

13. Theo anh/chị, ranh giới giữa đất Công ty/ Nông trường với đất sản xuất của người dân có rõ ràng?

1. Có 2. Không 3. Có nhưng không rõ ràng 4. Khác

14. Các quy định của Công ty/ Nông trường có làm ảnh hưởng như thế nào đến văn hoá của cộng đồng?

1- Không ảnh hưởng gì

2- Có nhưng không đáng kể

3- Làm ảnh hưởng nhiều

4- Khác (ghi rõ):

15. Hiện nay, những vấn đề nào cần quan tâm nhất giữa Công ty/Nông trường với người dân?

1.

2.

3.

Xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ thông tin của gia đình anh/chị

Nội dung 2: Bảng câu hỏi đối với công ty

NỘI DUNG PHỎNG VẤN VỚI BÊN CÔNG TY

1. Vai trò các bên liên quan

Các bên liên quan	Vai trò
Nhóm thứ nhất là nhóm quản lý có các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và ban lãnh đạo công ty	
Nhóm thứ hai là các đơn vị trong công ty (Nông trường), UBND các xã, trên địa bàn	
Nhóm thứ ba là các cộng đồng, người lao động chịu tác động trực tiếp từ các hoạt động của Công ty/Nông trường	
Các tổ chức xã hội địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi cấp xã và thôn/ấp..)	

2. Sự phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty?

3. Các vấn đề liên quan đến cán bộ công ty?

- 3.1. Đảm bảo các chế độ của người lao động (Hợp đồng, BHYT, BHXH, BHTN...)
- 3.2. Đảm bảo vấn đề bảo hộ lao động và môi trường làm việc
- 3.3. Cơ hội nâng cao năng lực (đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn..)
- 3.4. Vấn đề khen thưởng và khích lệ tinh thần

Nội dung 3: Bảng hỏi dành cho các bên liên quan

NỘI DUNG PHÒNG VẤN VỚI BÊN LIÊN QUAN

1. Vai trò các bên liên quan

Các bên liên quan	Vai trò
Nhóm thứ nhất là nhóm quản lý có các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và ban lãnh đạo công ty	
Nhóm thứ hai là các đơn vị trong công ty (Nông trường), UBND các xã, các trên địa bàn	
Nhóm thứ ba là các cộng đồng, người lao động chịu tác động trực tiếp từ các hoạt động của Công ty/Nông trường	
Các tổ chức xã hội địa phương (Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi cấp xã và thôn/ấp..)	

2. Sự phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của công ty?

3. Các vấn đề liên quan đến cộng đồng?

- 3.1. Cơ hội việc làm
- 3.2. Cải thiện về cơ sở hạ tầng
- 3.3. Thu nhập của cộng đồng từ khai thác tài nguyên rừng (LSNG và gỗ)
- 3.4. Cơ hội nâng cao năng lực sản xuất (Áp dụng khoa học kỹ thuật học tập từ công ty)
- 3.5. Cải thiện các vấn đề về tinh thần (hỗ trợ tổ chức lễ hội, hạ tầng, giao lưu văn hóa văn nghệ...).